

THÔNG TƯ

QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN INTERNET

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Nghị định số 132/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

Thông tư này quy định việc quản lý và sử dụng tài nguyên Internet, bao gồm: phân bổ, cấp, khai thác, đăng ký, hoàn trả, tạm ngừng, thu hồi, giải quyết tranh chấp, sử dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động trong lĩnh vực Internet tại Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *ICANN* là tên viết tắt của tổ chức quản lý tên miền và số quốc tế, có thẩm quyền quản lý hệ thống tên miền cấp cao nhất toàn cầu.
2. *VNNIC* là tên viết tắt của Trung tâm Internet Việt Nam, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông, thực hiện chức năng quản lý, giám sát, thúc đẩy phát triển và hỗ trợ việc sử dụng tài nguyên Internet tại Việt Nam.
3. *Nhà đăng ký tên miền* là tổ chức thực hiện dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền bao gồm Nhà đăng ký tên miền quốc gia Việt Nam (Nhà đăng ký tên miền “.vn”) và Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam.
4. *Tên miền* là tên được sử dụng để định danh địa chỉ Internet của máy chủ gồm các dãy ký tự cách nhau bằng dấu chấm “.”. Tên miền bao gồm:
 - a) Tên miền dùng các ký tự dựa trên cơ sở bảng mã ASCII, sau đây gọi là tên miền mã ASCII;
 - b) Tên miền dùng bảng chữ cái dựa trên cơ sở ngôn ngữ truyền thống của từng quốc gia, sau đây gọi là tên miền đa ngữ (IDN).
5. *Tên miền cấp cao nhất* là dãy ký tự cuối cùng trong cấu trúc tên miền theo quy định của ICANN. Tên miền cấp cao nhất (TLD) bao gồm:

a) *Tên miền chung cấp cao nhất (gTLD)* là các tên miền ".com"; ".net"; ".edu"; ".org"; ".int"; ".biz"; ".info"; ".name"; ".pro"; ".aero"; ".museum"; ".coop" và những tên miền chung cấp cao nhất khác theo quy định của ICANN.

b) *Tên miền quốc gia cấp cao nhất (ccTLD)* là tên miền cấp cao nhất dành riêng cho mỗi quốc gia và vùng lãnh thổ theo quy định của ICANN. ICANN quy định tên miền “.vn” là tên miền quốc gia Việt Nam cấp cao nhất.

6. *Tên miền các cấp (cấp 2, cấp 3 ...)* là các dãy ký tự tạo nên tên miền theo trật tự lần lượt nằm dưới tên miền cấp cao nhất.

7. *Tên miền quốc gia Việt Nam* là tập hợp tên miền các cấp dưới tên miền quốc gia Việt Nam cấp cao nhất “.vn” và các tên miền quốc gia Việt Nam cấp cao nhất khác thuộc quyền quản lý của Việt Nam.

8. *Tên miền quốc tế* là tên miền các cấp dưới tên miền chung cấp cao nhất (gTLD) và tên miền quốc gia cấp cao nhất (ccTLD), ngoài tên miền quốc gia Việt Nam.

9. *Tên miền chung cấp cao nhất mới (New gTLD)* là tên miền chung cấp cao nhất (gTLD) được ICANN cấp phát trực tiếp cho các tổ chức, cá nhân trên thế giới theo chương trình New gTLD của ICANN.

10. *Địa chỉ Internet (địa chỉ IP)* là địa chỉ mạng của thiết bị, máy chủ bao gồm các thể hệ địa chỉ IPv4, IPv6 và các thể hệ địa chỉ mới sẽ được sử dụng trong tương lai.

11. *Số hiệu mạng* là số được sử dụng để định danh một mạng máy tính tham gia vào hoạt động định tuyến chung trên Internet.

12. *Hệ thống máy chủ tên miền (hệ thống DNS)* là tập hợp các cụm máy chủ được kết nối với nhau để trả lời địa chỉ IP tương ứng với một tên miền khi được hỏi đến. Hệ thống DNS quốc gia là hệ thống DNS do VNNIC trực tiếp quản lý phục vụ việc truy vấn địa chỉ IP cho các tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”.

13. *Dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền “.vn”* là dịch vụ cung cấp cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khả năng tạo mới, cập nhật, duy trì và quản lý tên miền “.vn” đăng ký trong cơ sở dữ liệu tên miền và hệ thống DNS quốc gia.

14. *Chủ thể đăng ký sử dụng tên miền (sau đây gọi tắt là chủ thể)* là các cơ quan, tổ chức, cá nhân đã thực hiện thủ tục đăng ký và được cấp quyền sử dụng tên miền “.vn”.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý và sử dụng tài nguyên Internet

1. Tài nguyên Internet được quy hoạch thống nhất để bảo đảm cho hoạt động Internet của Việt Nam an toàn, tin cậy và hiệu quả.

2. Tài nguyên Internet liên quan tới chủ quyền, lợi ích, an ninh quốc gia; đến các cơ quan, tổ chức Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội được ưu tiên bảo vệ và không được xâm phạm.

3. Việc quản lý, sử dụng tài nguyên Internet phải bảo đảm đúng mục đích, đúng đối tượng, đúng quy định và không xâm phạm các quyền, lợi ích hợp pháp của các tổ chức, cá nhân khác.

4. Tăng cường hợp tác quốc tế, nghiêm chỉnh thực hiện và tôn trọng các điều ước, pháp luật quốc tế trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài nguyên Internet trên cơ sở bảo đảm chủ quyền, lợi ích, an ninh quốc gia.

Điều 4. Phí và lệ phí

1. Tổ chức, cá nhân sử dụng tài nguyên Internet có trách nhiệm nộp lệ phí, phí trước khi tài nguyên đi vào hoạt động hoặc tiếp tục duy trì hoạt động.
2. VNNIC hướng dẫn và tổ chức thực hiện việc thu, nộp phí và lệ phí theo đúng quy định.

Chương II

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG TÊN MIỀN QUỐC GIA VIỆT NAM “.VN”

Điều 5. Cấu trúc tên miền “.vn”

1. Tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” bao gồm tên miền không dấu và tên miền tiếng Việt:
 - a) Tên miền không dấu là tên miền mã ASCII, trong đó các ký tự tạo nên tên miền là các ký tự được quy định trong bảng mã ASCII, bao gồm tên miền không dấu các cấp dưới tên miền “.vn”;
 - b) Tên miền tiếng Việt là tên miền đa ngữ, trong đó các ký tự tạo nên tên miền là các ký tự được quy định trong bảng mã tiếng Việt, bảng mã tiếng Việt mở rộng theo tiêu chuẩn TCVN 6909:2001 và dấu “-”, bao gồm tên miền tiếng Việt các cấp dưới tên miền “.vn”.
2. Tên miền không dấu bao gồm tên miền không dấu cấp 2 dùng chung phân theo lĩnh vực; tên miền không dấu cấp 2 dùng chung phân theo địa giới hành chính; tên miền không dấu cấp 2 dùng riêng; tên miền không dấu cấp 3 dưới tên miền không dấu cấp 2 dùng chung:
 - a) Tên miền không dấu cấp 2 dùng chung phân theo lĩnh vực là tên miền không dấu được đặt theo tên các lĩnh vực hoạt động trong đời sống xã hội và được sử dụng chung mà không cấp riêng cho bất kỳ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào, bao gồm:
 - COM.VN dành cho tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại;
 - BIZ.VN dành cho tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại (trương đương với tên miền COM.VN);
 - EDU.VN dành cho các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;
 - GOV.VN dành cho các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương;
 - NET.VN dành cho các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực thiết lập và cung cấp các dịch vụ trên mạng;
 - ORG.VN dành cho các tổ chức hoạt động trong lĩnh vực chính trị, văn hoá, xã hội;
 - INT.VN dành cho các tổ chức quốc tế;
 - AC.VN dành cho các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực nghiên cứu;
 - PRO.VN dành cho các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực có tính chuyên ngành cao;
 - INFO.VN dành cho các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, phân phối, cung cấp thông tin;
 - HEALTH.VN dành cho các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực dược, y tế;
 - NAME.VN dành cho tên riêng của cá nhân liên quan đến hoạt động Internet;
 - Những tên miền khác do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định.

b) Tên miền không dấu cấp 2 dùng chung phân theo địa giới hành chính là tên miền được đặt theo tên các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương không có dấu và được sử dụng chung mà không cấp riêng cho bất kỳ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào (HANOI.VN, HAIPHONG.VN, ...);

c) Tên miền không dấu cấp 2 dùng riêng là tên miền không dấu dành cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân đăng ký sử dụng theo yêu cầu riêng;

d) Tên miền không dấu cấp 3 là tên miền không dấu nằm dưới tên miền không dấu cấp 2 dùng chung phân theo lĩnh vực, tên miền không dấu cấp 2 dùng chung phân theo địa giới hành chính và dành cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân đăng ký sử dụng theo yêu cầu riêng.

3. Tên miền tiếng Việt bao gồm tên miền tiếng Việt cấp 2 dùng chung phân theo địa giới hành chính, tên miền tiếng Việt cấp 2 dùng riêng và tên miền tiếng Việt cấp 3 dưới tên miền tiếng Việt cấp 2 phân theo địa giới hành chính.

a) Tên miền tiếng Việt cấp 2 dùng chung phân theo địa giới hành chính là tên miền tiếng Việt được đặt theo tên các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và được sử dụng chung mà không cấp riêng cho bất kỳ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào (HÀ NỘI.VN, HÀIPHÔNG.VN...);

b) Tên miền tiếng Việt cấp 2 dùng riêng là tên miền tiếng Việt dành cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân đăng ký sử dụng theo yêu cầu riêng;

c) Tên miền tiếng Việt cấp 3 là tên miền tiếng Việt dưới tên miền tiếng Việt cấp 2 dùng chung phân theo địa giới hành chính và dành cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân đăng ký sử dụng theo yêu cầu riêng.

Điều 6. Nguyên tắc đăng ký tên miền “.vn”

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân đăng ký tên miền chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin cung cấp.

2. Đăng ký tên miền “.vn” được thực hiện theo nguyên tắc bình đẳng, không phân biệt, đăng ký trước được quyền sử dụng trước, ngoại trừ:

a) Các tên miền thuộc phạm vi ưu tiên bảo vệ quy định tại Khoản 1 Điều 8 Thông tư này;

b) Các tên miền được dành cho đấu giá theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Tên miền do tổ chức, cá nhân tự chọn để đăng ký, nhưng phải đảm bảo không có các cụm từ xâm phạm đến lợi ích quốc gia, vi phạm đạo đức xã hội, thuần phong, mỹ tục của dân tộc; phải thể hiện tính nghiêm túc để tránh sự hiểu nhầm hoặc xuyên tạc do tính đa âm, đa nghĩa hoặc khi không dùng dấu trong tiếng Việt.

4. Tên miền chọn đăng ký phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có ít nhất một hoặc một dãy ký tự dưới tên miền cấp cao “.vn”;

b) Được chứa các ký tự từ A đến Z; 0 đến 9; các ký tự tiếng Việt trong bảng chữ cái tiếng Việt và tất cả các ký tự được hệ thống máy chủ tên miền trên mạng chấp nhận. Các ký tự này không phân biệt viết hoa hay viết thường;

c) Được chứa dấu gạch nối “-” nhưng không được bắt đầu hoặc kết thúc với ký tự này và không được có hai dấu gạch nối “-” đi liền nhau trong tên miền;

d) Ở mỗi cấp không được nhiều hơn 63 ký tự (đối với tên miền tiếng Việt, số lượng ký tự được tính theo chiều dài sau chuyển đổi thành chuỗi không dấu ASCII);

đ) Đối với tên miền dưới “.NAME.VN” phải đảm bảo tên miền là tên riêng của chủ thể hoặc đi kèm tên riêng là họ, tên đệm, nơi sinh, năm sinh (tổng thể mang ý nghĩa tên riêng, danh tính của chủ thể).

Điều 7. Nguyên tắc sử dụng tên miền “.vn”

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân không được cấp tên miền dưới tên miền của mình cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp cơ quan, tổ chức cấp cho các đơn vị thành viên, các cá nhân đang làm việc trong cơ quan, tổ chức của mình, đồng thời phải có trách nhiệm quản lý các tên miền do mình cấp.

2. Các cơ quan Đảng, Nhà nước phải sử dụng ít nhất 01 tên miền “.vn” và lưu giữ thông tin tại hệ thống máy chủ có địa chỉ IP ở Việt Nam đối với trang thông tin điện tử chính thức của mình.

3. Trang thông tin điện tử tổng hợp và trang mạng xã hội thuộc đối tượng cấp phép phải sử dụng ít nhất 01 tên miền “.vn” và lưu giữ thông tin tại hệ thống máy chủ có địa chỉ IP ở Việt Nam đối với trang thông tin điện tử chính thức của mình.

Điều 8. Nguyên tắc bảo vệ tên miền “.vn”

1. Ưu tiên bảo vệ tất cả các cấp của tên miền “.vn” liên quan tới chủ quyền, lợi ích, an ninh quốc gia, bao gồm:

a) Tên miền là tên các huyện, xã thuộc khu vực biên giới, tên các đảo, quần đảo, tên biển, vùng biển Việt Nam;

b) Tên miền là tên các địa danh của Việt Nam đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới;

c) Tên miền là tên gọi của tổ chức Đảng, cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội (Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam; Hội Nông dân Việt Nam; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; Hội Cựu chiến binh Việt Nam);

d) Các tên miền liên quan đến hoạt động bảo đảm an ninh, quốc phòng, ngoại giao của đất nước và các tên miền khác cần được bảo vệ theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Các cơ quan, tổ chức có liên quan đến các tên miền được quy định tại Khoản 1 Điều này có trách nhiệm đăng ký, giữ chỗ bảo vệ tên miền với VNNIC. VNNIC tổng hợp trình Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt danh sách các tên miền được ưu tiên bảo vệ đồng thời chủ động giữ chỗ, bảo vệ các tên miền nêu trên trong trường hợp cần thiết.

3. Tổ chức, cá nhân không thuộc đối tượng ưu tiên không được đăng ký các tên miền được ưu tiên bảo vệ theo quy định tại Điều này.

Điều 9. Nhà đăng ký tên miền “.vn”

1. Nhà đăng ký tên miền “.vn” là doanh nghiệp Việt Nam hoặc doanh nghiệp nước ngoài ký hợp đồng với VNNIC để cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền “.vn” tại Việt Nam và ở nước ngoài.

2. Điều kiện ký hợp đồng Nhà đăng ký tên miền “.vn”

a) Về năng lực kỹ thuật đáp ứng các yêu cầu sau:

- Có hạ tầng mạng lưới kỹ thuật, hệ thống máy chủ DNS kết nối với hạ tầng kỹ thuật của VNNIC theo yêu cầu;

- Có cơ sở dữ liệu, phần mềm quản lý việc đăng ký, thu phí, khai báo tên miền “.vn”;

- Có giải pháp đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin; sao lưu dự phòng và khôi phục nhanh chóng các dữ liệu khi có sự cố.

b) Về năng lực kinh doanh đáp ứng các yêu cầu sau:

- Đối với doanh nghiệp trong nước phải có kinh nghiệm hoạt động từ 3 năm trở lên trong lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin. Đối với doanh nghiệp nước ngoài phải đang là Nhà đăng ký chính thức của ICANN;

- Có phương án tổ chức kinh doanh và kế hoạch phát triển, quản lý tên miền “.vn” phù hợp và khả thi trong 03 năm đầu tiên.

c) Về năng lực quản lý đáp ứng các yêu cầu sau:

- Có quy định, quy trình, biểu mẫu đầy đủ để cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền “.vn”;

- Có tối thiểu 02 cán bộ kỹ thuật và 02 cán bộ quản lý nghiệp vụ đạt chuẩn kiến thức về công nghệ thông tin theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông và đánh giá của VNNIC.

3. Số lượng Nhà đăng ký tên miền “.vn” được lựa chọn để ký hợp đồng phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch tài nguyên Internet do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành và tình hình phát triển tên miền “.vn” trên thực tế trong từng thời kỳ.

4. Nhà đăng ký tên miền “.vn” khi cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền “.vn” được hưởng hoa hồng đối với các hoạt động sau:

a) Quảng bá, tuyên truyền, phát triển tên miền “.vn”;

b) Đăng ký và duy trì tên miền “.vn”;

c) Đảm bảo an toàn đối với việc đăng ký, duy trì tên miền “.vn”;

d) Thu phí và lệ phí tên miền “.vn”.

Điều 10. Thủ tục đăng ký, thay đổi thông tin đăng ký, hoàn trả tên miền “.vn”

1. Không được đăng ký, thay đổi thông tin đăng ký, hoàn trả tên miền trong các trường hợp sau:

a) Không được đăng ký các tên miền:

- Không đúng cấu trúc quy định tại Điều 5 Thông tư này;

- Vi phạm nguyên tắc đăng ký tên miền quy định tại Điều 6 Thông tư này;

- Vi phạm nguyên tắc bảo vệ tên miền quy định tại Điều 8 Thông tư này.

b) Không được thay đổi tên của chủ thể đăng ký tên miền, trừ các trường hợp: Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thay đổi tên sang tên mới theo quyết định của cấp có thẩm quyền; Cá nhân thay đổi họ, tên theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Không được hoàn trả tên miền đang trong quá trình xử lý vi phạm, chưa có kết luận cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền.

2. Khi thực hiện thủ tục đăng ký, thay đổi thông tin đăng ký, hoàn trả tên miền “.vn”, chủ thể phải có Bản khai đăng ký tên miền, Đơn xin thay đổi thông tin đăng ký tên miền hoặc Đơn đề nghị hoàn trả tên miền. Mẫu Bản khai đăng ký tên miền, Đơn xin thay đổi thông tin đăng ký tên miền, Đơn đề nghị hoàn trả tên miền do Nhà đăng ký tên miền “.vn” quy định tại trang thông tin điện tử của Nhà đăng ký, nhưng phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, Bản khai đăng ký tên miền, Đơn xin thay đổi thông tin đăng ký tên miền, Đơn đề nghị hoàn trả tên miền phải có dấu của cơ quan, tổ chức và chữ ký (trong trường hợp đăng ký trực tuyến là chữ ký số) của người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền và giấy ủy quyền kèm theo. Đối với cá nhân, Bản khai đăng ký tên miền, Đơn xin thay đổi thông tin đăng ký tên miền, Đơn đề nghị hoàn trả tên miền phải có chữ ký của cá nhân (trong trường hợp đăng ký trực tuyến là chữ ký số).

b) Bản khai đăng ký tên miền phải có các thông tin cơ bản sau đây:

- Đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp: tên cơ quan, tổ chức; địa chỉ, số điện thoại, hộp thư điện tử của cơ quan, tổ chức; họ và tên người quản lý tên miền kèm theo địa chỉ liên hệ, số điện thoại, hộp thư điện tử, số giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu đối với cá nhân là người nước ngoài); họ và tên người quản lý kỹ thuật kèm theo địa chỉ liên hệ, số điện thoại, hộp thư điện tử; họ và tên người chịu trách nhiệm nộp phí, lệ phí tên miền kèm theo địa chỉ liên hệ, số điện thoại, hộp thư điện tử; họ và tên người thay mặt cơ quan tổ chức làm thủ tục đăng ký tên miền kèm theo địa chỉ liên hệ, số điện thoại, số chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu đối với người nước ngoài).

- Đối với cá nhân: họ và tên; năm sinh; địa chỉ thường trú; số giấy chứng minh nhân dân (hoặc số hộ chiếu đối với cá nhân là người nước ngoài); số điện thoại; hộp thư điện tử.

c) Đơn xin thay đổi thông tin đăng ký (hoàn trả) tên miền phải có các thông tin cơ bản như nội dung thay đổi thông tin đăng ký (hoàn trả) tên miền, lý do thay đổi thông tin (hoàn trả) tên miền.

3. Địa chỉ nộp hồ sơ:

a) Hồ sơ đăng ký tên miền nộp tại các Nhà đăng ký tên miền “.vn” có tên trong danh sách được công bố tại địa chỉ: www.nhadangky.vn;

b) Hồ sơ thay đổi thông tin đăng ký, hoàn trả tên miền “.vn” nộp tại Nhà đăng ký tên miền “.vn” đang quản lý tên miền.

4. Phương thức nộp hồ sơ đăng ký, thay đổi thông tin đăng ký, hoàn trả tên miền:

a) Nộp trực tiếp tại các cơ sở của Nhà đăng ký tên miền “.vn”: cá nhân là chủ thể tên miền, hoặc người thay mặt cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp làm thủ tục đăng ký, thay đổi thông tin đăng ký, hoàn trả tên miền cần xuất trình Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu đối với cá nhân là người nước ngoài) để Nhà đăng ký tên miền đối chiếu với các thông tin trong hồ sơ hoặc trong cơ sở dữ liệu quản lý tên miền quốc gia;

b) Gửi hồ sơ đến các cơ sở của Nhà đăng ký tên miền “.vn” qua đường Bưu điện: cá nhân là chủ thể tên miền, hoặc người thay mặt cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp làm thủ tục đăng ký, thay đổi thông tin đăng ký, hoàn trả tên miền cần gửi kèm theo bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu đối với cá nhân là người nước ngoài) để Nhà đăng ký tên miền “.vn” đối chiếu với các thông tin trong hồ sơ hoặc trong cơ sở dữ liệu quản lý tên miền quốc gia;

c) Thực hiện trực tuyến thông qua trang thông tin điện tử của các Nhà đăng ký tên miền ".vn" trong trường hợp sử dụng chữ ký số.

5. Đối với các trường hợp được phép đổi tên chủ thể đăng ký tên miền nêu tại điểm b khoản 1 Điều này, ngoài Đơn xin thay đổi thông tin đăng ký tên miền, cơ quan, tổ chức, cá nhân phải xuất trình bản gốc hoặc nộp kèm theo bản sao có chứng thực quyết định thay đổi tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, quyết định thay đổi họ, tên đối với cá nhân tùy theo phương thức nộp hồ sơ quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Trong vòng 3 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký, thay đổi thông tin đăng ký, hoàn trả tên miền hợp lệ, Nhà đăng ký tên miền ".vn" thông báo tới chủ thể kết quả xử lý hồ sơ. Trường hợp từ chối, thông báo nêu rõ lý do.

Điều 11. Thủ tục tạm ngừng hoạt động tên miền ".vn"

1. Tên miền ".vn" bị tạm ngừng hoạt động trong các trường hợp sau:

a) Theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan công an về an ninh thông tin, tội phạm công nghệ cao khi tiến hành các hoạt động nghiệp vụ để ngăn chặn kịp thời các hành vi gây mất an ninh thông tin trong hoạt động bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước về thông tin và truyền thông khi tiến hành các hoạt động thanh tra, kiểm tra để ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm nghiêm trọng các quy định về an toàn thông tin và quản lý thông tin trên mạng theo quy định của pháp luật;

c) Năm (05) ngày sau thời hạn phải nộp phí duy trì tên miền theo quy định, chủ thể đăng ký tên miền không tiếp tục nộp phí duy trì tên miền.

2. Trong các trường hợp quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này, sau khi nhận được văn bản yêu cầu của các cơ quan nêu trên, VNNIC thực hiện việc tạm ngừng hoạt động tên miền được yêu cầu trên hệ thống máy chủ tên miền quốc gia, đồng thời yêu cầu Nhà đăng ký tên miền gửi thông báo về việc tạm ngừng tên miền đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. Thời gian tạm ngừng hoạt động tên miền không quá 45 ngày kể từ ngày tên miền bị tạm ngừng hoạt động trên hệ thống. Sau thời hạn tạm ngừng, VNNIC đưa tên miền vào hoạt động trở lại nếu không thực hiện việc thu hồi tên miền quy định tại Điều 12 Thông tư này.

3. Trong trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, sau thời hạn quy định tên miền không nộp phí duy trì sẽ bị tự động tạm ngừng hoạt động trên hệ thống. Trong thời gian 30 ngày kể từ thời điểm tạm ngừng hoạt động tên miền, nếu chủ thể đăng ký tên miền nộp phí duy trì tên miền theo quy định thì sẽ được tiếp tục sử dụng tên miền đã đăng ký.

Điều 12. Thủ tục thu hồi tên miền ".vn"

1. Tên miền quốc gia Việt Nam bị thu hồi trong các trường hợp sau:

a) Theo biên bản hòa giải thành của các bên có tranh chấp tên miền hoặc theo quyết định đã có hiệu lực pháp luật của cơ quan Trọng tài hoặc theo bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án trong giải quyết tranh chấp tên miền;

b) Theo văn bản yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông đối với các trường hợp thu hồi tên miền quy định tại điểm a, điểm b, khoản 2 Điều 50 Luật Viễn thông;

c) Theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính có biện pháp khắc phục là “thu hồi tên miền”, hoặc áp dụng hình thức phạt bổ sung “tịch thu phương tiện vi phạm” của thanh tra chuyên ngành thông tin và truyền thông khi việc sử dụng tên miền vi phạm các quy định về quản lý cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

d) Theo yêu cầu bằng văn bản của các cơ quan công an về an ninh thông tin, tội phạm công nghệ cao khi việc sử dụng tên miền xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội theo quy định của pháp luật về an ninh quốc gia;

đ) Sau 30 ngày kể từ thời điểm tạm ngừng hoạt động tên miền quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 Thông tư này, chủ thể đăng ký tên miền không nộp phí duy trì tên miền theo quy định;

e) Các trường hợp khác theo quy định của Chính phủ.

2. Khi nhận được các văn bản quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này, VNNIC ban hành Quyết định thu hồi tên miền; thực hiện việc ngừng hoạt động các tên miền bị thu hồi trên hệ thống máy chủ tên miền quốc gia; yêu cầu Nhà đăng ký tên miền gửi thông báo về việc thu hồi tên miền cho các tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Trong trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này, sau khi nhận được thông báo trực tuyến “Danh sách các tên miền không nộp phí duy trì” có chữ ký số của các Nhà đăng ký tên miền, VNNIC quyết định thu hồi tên miền bằng việc định kỳ hàng tuần gửi xác nhận trực tuyến “Danh sách các tên miền bị thu hồi” có chữ ký số của VNNIC đến các Nhà đăng ký tên miền có liên quan; thực hiện việc ngừng hoạt động các tên miền bị thu hồi trên hệ thống máy chủ tên miền quốc gia; yêu cầu nhà đăng ký tên miền thông báo việc thu hồi tên miền cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

4. Sau khi xem xét nếu thấy các tên miền bị thu hồi không vi phạm nguyên tắc đăng ký tên miền quy định tại Điều 6 Thông tư này, VNNIC đưa các tên miền bị thu hồi về trạng thái tự do để cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu đăng ký sử dụng.

Điều 13. Đăng ký và sử dụng tên miền dưới “.gov.vn”

Ngoài các quy định tại các Điều 6, 7, 8, 10, 11, 12 Thông tư này, việc đăng ký và sử dụng tên miền “.gov.vn” phải bảo đảm các quy định sau:

1. Đối tượng được đăng ký tên miền dưới “.gov.vn” bao gồm:

a) Các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương được quy định tại các Luật về tổ chức Quốc hội, Chính phủ, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân; các Nghị định của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

b) Các đơn vị nằm trong cơ cấu tổ chức của các cơ quan nhà nước quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Tên miền “.gov.vn” phải đặt theo tên gọi của cơ quan, đơn vị một cách cụ thể, rõ ràng, dễ phân biệt với tên của các tổ chức khác và phù hợp với chức năng nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

3. Người chịu trách nhiệm quản lý tên miền “.gov.vn” phải là cấp trưởng hoặc người được cấp trưởng ủy quyền thuộc cơ quan, đơn vị đăng ký tên miền; Bản khai đăng ký tên miền dưới “.gov.vn” theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 đính kèm Thông tư này.

4. Việc đăng ký, thay đổi thông tin, hoàn trả các tên miền “.gov.vn”, các tên miền được bảo vệ quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư này được thực hiện thông qua các Nhà đăng ký tên miền “.vn” trong nước. Nhà đăng ký tên miền “.vn” trong nước có trách nhiệm chuyển hồ sơ cho VNNIC để xem xét quyết định và thông báo lại cho Nhà đăng ký tên miền và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

5. Việc tạm ngừng, thu hồi các tên miền “.gov.vn”, các tên miền được bảo vệ quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư này do VNNIC trực tiếp xem xét giải quyết và báo cáo Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định.

6. Việc đăng ký, sử dụng tên miền dưới “.gov.vn” để cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước phải tuân thủ quy định tại Điều 6 Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước.

Điều 14. Hệ thống tra cứu thông tin tên miền “.vn”

1. Hệ thống tra cứu thông tin tên miền (Whois) là hệ thống cung cấp công khai, trực tuyến các thông tin về tên miền và chủ thể đăng ký sử dụng tên miền theo khuyến nghị của ICANN và thông lệ quốc tế.

2. Hệ thống tra cứu thông tin tên miền “.vn” (Whois VN) bao gồm hệ thống Whois VN cung cấp bởi VNNIC tại địa chỉ whois.vn và các hệ thống Whois VN cung cấp bởi các Nhà đăng ký tên miền “.vn”.

3. Thông tin trên hệ thống Whois VN bao gồm:

- a) Tên miền;
- b) Ngày đăng ký, ngày hết hạn;
- c) Tên cơ quan, tổ chức hoặc họ, tên và ngày sinh của cá nhân;
- d) Nhà đăng ký quản lý tên miền;
- đ) Thông tin về máy chủ tên miền chuyển giao.

4. Thông tin trên hệ thống Whois VN quy định tại khoản 2 Điều này được cung cấp công khai trên mạng Internet và phục vụ cho việc quản lý và sử dụng tên miền “.vn”.

Điều 15. Chuyển đổi nhà đăng ký tên miền “.vn”

1. Việc chuyển đổi nhà đăng ký tên miền “.vn” được thực hiện nếu có sự thỏa thuận thống nhất của tất cả các bên tham gia quá trình chuyển đổi, bao gồm: chủ thể đăng ký tên miền, Nhà đăng ký đang quản lý tên miền và Nhà đăng ký mà chủ thể có nhu cầu chuyển tên miền đến.

2. Tên miền không được phép chuyển đổi nhà đăng ký trong các trường hợp sau:

- a) Trong vòng 60 ngày kể từ ngày tên miền được đăng ký mới;
- b) Trong vòng 30 ngày trước khi tên miền hết hạn sử dụng;
- c) Tên miền đang trong quá trình xử lý vi phạm, đang bị tạm ngừng hoặc đang có tranh chấp.

3. Trong trường hợp Nhà đăng ký tên miền “.vn” không còn khả năng quản lý tên miền của mình, số tên miền đó sẽ được chuyển sang quản lý tại một Nhà đăng ký tên miền “.vn” khác theo

thỏa thuận giữa hai Nhà đăng ký sau khi được VNNIC chấp thuận bằng văn bản hoặc theo yêu cầu của VNNIC.

Điều 16. Quản lý tên miền “.vn” sau quá trình giải quyết tranh chấp

1. VNNIC và Nhà đăng ký tên miền “.vn” căn cứ vào biên bản hòa giải thành của các bên; quyết định đã có hiệu lực của trọng tài; bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của tòa án để thực hiện:

- a) Thu hồi tên miền, hoặc
- b) Giữ nguyên hiện trạng của tên miền;

2. Trường hợp biên bản hòa giải thành; quyết định đã có hiệu lực của trọng tài; bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của tòa án nêu rõ tên miền tranh chấp bị thu hồi cho phép nguyên đơn đăng ký sử dụng thì nguyên đơn được ưu tiên đăng ký trong vòng mười (10) ngày kể từ khi biên bản, quyết định, bản án có hiệu lực pháp luật. Hết thời hạn này tên miền sẽ được cho đăng ký tự do.

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đăng ký, sử dụng tên miền “.vn”

1. Được đăng ký và sử dụng tên miền “.vn” theo quy định của pháp luật.
2. Được khiếu nại, tố cáo, khiếu kiện khi việc đăng ký, sử dụng tên miền “.vn” của mình bị can thiệp, bị xâm phạm không đúng với quy định của pháp luật.
3. Được lựa chọn Nhà đăng ký trong hệ thống Nhà đăng ký tên miền “.vn” để đăng ký tên miền hoặc để chuyển đổi nhà đăng ký tên miền.
4. Cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin khi đăng ký tên miền theo quy định; chịu trách nhiệm quản lý thông tin tên miền của mình; thông báo, cập nhật thông tin theo hướng dẫn của Nhà đăng ký quản lý tên miền mỗi khi có thay đổi thông tin và có trách nhiệm xác thực thông tin khi có yêu cầu từ Nhà đăng ký quản lý tên miền hoặc VNNIC.
5. Tham gia, phối hợp chống việc lạm dụng tên miền để thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật.
6. Triển khai các biện pháp kỹ thuật để đảm bảo an toàn cho tên miền và thông tin cung cấp kèm theo tên miền đăng ký, sử dụng.
7. Chủ thể đăng ký sử dụng tên miền phải chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với việc sử dụng tên miền được đăng ký.

Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của Nhà đăng ký tên miền “.vn”

1. Được cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền “.vn” tại Việt Nam và ở nước ngoài theo quy định.
2. Được hưởng tiền hoa hồng đối với dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền quy định tại Khoản 4 Điều 9 Thông tư này trên cơ sở hợp đồng ký với VNNIC.
3. Được từ chối việc đăng ký tên miền khi tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về đăng ký, sử dụng tên miền “.vn”.
4. Không xâm phạm và gây tổn hại tới quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể đăng ký, sử dụng tên miền cũng như của các Nhà đăng ký tên miền “.vn” khác.

5. Công bố công khai các biểu mẫu, quy trình, thủ tục đăng ký tên miền “.vn” trên trang thông tin điện tử của mình.
6. Tổ chức triển khai các biện pháp kỹ thuật, nghiệp vụ theo quy định và hướng dẫn của VNNIC để đảm bảo an toàn đối với dịch vụ đăng ký tên miền “.vn”; thông tin, dữ liệu tên miền “.vn” và hoạt động của hệ thống DNS chuyển giao.
7. Bảo vệ an toàn, bí mật thông tin của các chủ thể đăng ký sử dụng tên miền, trừ trường hợp yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
8. Không được đăng ký đầu cơ tên miền “.vn” dưới mọi hình thức; không được cản trở hoặc tìm cách cản trở cơ quan, tổ chức, cá nhân đăng ký sử dụng tên miền hợp pháp mà họ mong muốn.
9. Thu, nộp phí, lệ phí đăng ký, duy trì tên miền đúng quy định của Nhà nước.
10. Khi cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền “.vn” tại Việt Nam phải sử dụng hệ thống DNS chính (Primary DNS) dùng tên miền quốc gia Việt Nam “.vn”.
11. Cung cấp dịch vụ đăng ký tên miền cho các tổ chức, cá nhân ở nước ngoài phải tuân thủ theo các quy định của luật pháp Việt Nam và luật pháp của nước sở tại.
12. Nhà đăng ký tên miền “.vn” ở nước ngoài chỉ được cung cấp dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền “.vn” tại Việt Nam thông qua đại lý chính thức của mình tại Việt Nam.
13. Phối hợp với VNNIC và cơ quan nhà nước có thẩm quyền để giải quyết, xử lý các vụ việc liên quan tới tên miền “.vn”.
14. Rà soát, đảm bảo các tên miền đã đăng ký được cập nhật đầy đủ các thông tin quy định tại Điều 10, Điều 13 Thông tư này.
15. Thực hiện việc báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu và hướng dẫn của VNNIC.

Điều 19. Trách nhiệm của VNNIC

1. Đảm bảo hoạt động đăng ký, duy trì, quản lý tên miền “.vn” và hoạt động của hệ thống DNS quốc gia hiệu quả, an toàn, đúng quy định.
2. Bảo đảm an toàn, bí mật thông tin các chủ thể đăng ký, sử dụng tên miền theo quy định.
3. Thực hiện bảo vệ các tên miền “.vn” liên quan tới chủ quyền, lợi ích, an ninh quốc gia.
4. Xây dựng và trình Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt hợp đồng mẫu ký với Nhà đăng ký tên miền “.vn”.
5. Thực hiện lựa chọn và ký hợp đồng với các doanh nghiệp đáp ứng điều kiện Nhà đăng ký tên miền “.vn”.
6. Quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động của các Nhà đăng ký tên miền “.vn” bảo đảm đúng quy định của pháp luật và hợp đồng đã ký giữa hai bên.
7. Phổ biến, hướng dẫn, đào tạo cho các Nhà đăng ký tên miền “.vn” về pháp luật và nghiệp vụ quản lý tên miền.
8. Chi trả tiền hoa hồng cho Nhà đăng ký tên miền “.vn” theo quy định và hợp đồng ký với Nhà đăng ký tên miền “.vn”.

Chương III

ĐĂNG KÝ, SỬ DỤNG TÊN MIỀN QUỐC TẾ TẠI VIỆT NAM

Điều 20. Thủ tục đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam

1. Đơn vị thực hiện đăng ký: các Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam. Danh sách và địa chỉ liên hệ của các Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam được công bố tại địa chỉ: www.thongbaotenmien.vn, mục Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam.

2. Bản khai đăng ký tên miền do Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam quy định tại trang thông tin điện tử của Nhà đăng ký, nhưng đảm bảo phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Đối với cơ quan, tổ chức: Bản khai đăng ký tên miền phải có dấu của cơ quan, tổ chức và chữ ký (trong trường hợp đăng ký trực tuyến là chữ ký số) của người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật của cơ quan, tổ chức ủy quyền và giấy ủy quyền kèm theo. Bản khai đăng ký tên miền phải có các thông tin cơ bản, bao gồm: tên cơ quan, tổ chức; địa chỉ, số điện thoại, hộp thư điện tử của cơ quan, tổ chức; họ và tên người quản lý tên miền kèm theo địa chỉ liên hệ, số điện thoại, hộp thư điện tử, số giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu đối với cá nhân là người nước ngoài); họ và tên người quản lý kỹ thuật kèm theo địa chỉ liên hệ, số điện thoại, hộp thư điện tử; họ và tên người chịu trách nhiệm nộp tiền đăng ký, duy trì tên miền kèm theo địa chỉ liên hệ, số điện thoại, hộp thư điện tử; họ và tên người thay mặt cơ quan tổ chức làm thủ tục đăng ký tên miền kèm theo địa chỉ liên hệ, số điện thoại, số giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu đối với cá nhân là người nước ngoài);

b) Đối với cá nhân: Bản khai đăng ký tên miền phải có chữ ký của cá nhân (trong trường hợp đăng ký trực tuyến là chữ ký số). Bản khai đăng ký tên miền phải có các thông tin cơ bản, bao gồm: họ và tên; năm sinh; địa chỉ thường trú; số giấy chứng minh nhân dân (hoặc số hộ chiếu đối với cá nhân là người nước ngoài); số điện thoại; hộp thư điện tử.

3. Phương thức đăng ký:

a) Nộp hồ sơ đăng ký tên miền trực tiếp tại các cơ sở của Nhà đăng ký tên miền. Khi nộp hồ sơ đăng ký tên miền, cá nhân đăng ký tên miền, hoặc người thay mặt cơ quan tổ chức làm thủ tục đăng ký tên miền cần mang theo Giấy chứng minh nhân dân để Nhà đăng ký tên miền đối chiếu với các thông tin trong Bản khai đăng ký tên miền;

b) Gửi hồ sơ đăng ký tên miền đến các cơ sở của Nhà đăng ký tên miền qua đường Bưu điện. Khi gửi hồ sơ đăng ký tên miền qua Bưu điện, cá nhân đăng ký tên miền, hoặc người thay mặt cơ quan tổ chức làm thủ tục đăng ký tên miền cần gửi kèm theo bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân (hoặc hộ chiếu đối với cá nhân là người nước ngoài) để Nhà đăng ký tên miền đối chiếu với các thông tin trong Bản khai đăng ký tên miền;

c) Thực hiện trực tuyến thông qua trang thông tin điện tử của các Nhà đăng ký tên miền trong trường hợp sử dụng chữ ký số.

Điều 21. Thông báo sử dụng tên miền quốc tế tại Việt Nam

1. Thời gian thông báo: Trước khi tổ chức, cá nhân đưa tên miền quốc tế đã đăng ký vào sử dụng.

2. Thực hiện thông báo tại địa chỉ: www.thongbaotenmien.vn.

3. Nội dung thông báo:

- a) Đối với cơ quan, tổ chức: tên cơ quan, tổ chức ghi trong quyết định thành lập, giấy phép hoạt động, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép mở văn phòng đại diện; địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, hộp thư điện tử; họ và tên người quản lý tên miền kèm theo địa chỉ, số điện thoại, hộp thư điện tử, số Giấy chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu đối với người nước ngoài;
- b) Đối với cá nhân: Họ và tên; địa chỉ thường trú; số điện thoại; hộp thư điện tử; số, ngày cấp, nơi cấp chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu đối với người nước ngoài;
- c) Tên miền đưa vào sử dụng.

4. Thay đổi thông tin:

- a) Khi có sự thay đổi thông tin đã thông báo, tổ chức, cá nhân sử dụng tên miền quốc tế phải sử dụng tên truy cập và mật khẩu đã được cấp để thực hiện việc bổ sung, thay đổi hay xóa các thông tin liên quan đến tên miền quốc tế đang sử dụng tại địa chỉ: www.thongbaotenmien.vn;
- b) Trường hợp quên, mất mật khẩu hoặc tên miền đã bị người khác thông báo sử dụng, chủ thể phải có văn bản gửi VNNIC để hỗ trợ cấp lại mật khẩu và điều chỉnh thông tin.

Điều 22. Thủ tục đăng ký hoạt động Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam

1. Điều kiện trở thành Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam được quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

2. Hồ sơ đăng ký bao gồm:

- a) Bản khai đăng ký hoạt động Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này;
- b) Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- c) Bản sao có chứng thực Hợp đồng ký với Tổ chức quản lý tên miền quốc tế (ICANN) hoặc hợp đồng ký với Nhà đăng ký chính thức (Accredited Registrar) của ICANN.

3. Địa chỉ nhận hồ sơ: Trung tâm Internet Việt Nam - 18 Nguyễn Du, Hà Nội.

4. Xác nhận đăng ký:

- a) Trong vòng năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ của doanh nghiệp, Bộ Thông tin và Truyền thông (Trung tâm Internet Việt Nam) sẽ gửi doanh nghiệp thông báo xác nhận đã nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ và đưa vào danh sách quản lý tại địa chỉ www.thongbaotenmien.vn, hoặc văn bản yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp hồ sơ đăng ký không hợp lệ theo quy định;
- b) Hình thức xác nhận: Bằng văn bản hoặc thông qua môi trường mạng theo các địa chỉ do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tại địa chỉ: www.thongbaotenmien.vn.

Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân đăng ký, sử dụng tên miền quốc tế

1. Tổ chức, cá nhân tại Việt Nam đăng ký tên miền quốc tế để thiết lập hộp thư điện tử, trang thông tin điện tử, mạng xã hội phải thực hiện các nội dung về quản lý, sử dụng tài nguyên Internet; quản lý thông tin trên mạng quy định tại Nghị định 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

2. Khi đăng ký sử dụng tên miền quốc tế tại Việt Nam, tổ chức, cá nhân phải thông báo, cập nhật thông tin tại địa chỉ www.thongbaotenmien.vn theo quy định tại Điều 21 Thông tư này và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin thông báo, cập nhật.

Điều 24. Quyền và nghĩa vụ của Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam

1. Thực hiện đăng ký hoạt động với Bộ Thông tin và Truyền thông theo quy định tại Điều 22 Thông tư này và chỉ cung cấp dịch vụ đăng ký tên miền quốc tế cho cơ quan, tổ chức, cá nhân sau khi nhận được thông báo bằng văn bản của Bộ Thông tin và Truyền thông xác nhận đã nhận được hồ sơ đăng ký hợp lệ và công bố là Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam tại địa chỉ www.thongbaotenmien.vn.

2. Tiếp nhận đăng ký tên miền quốc tế thông qua Hợp đồng với các chủ thể đăng ký tên miền. Nội dung Hợp đồng của Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam phải có điều khoản ràng buộc các chủ thể đăng ký sử dụng tên miền cam kết thực hiện đầy đủ quy định tại Điều 23 Thông tư này.

3. Quản lý đầy đủ thông tin được quy định tại khoản 2 Điều 20 Thông tư này về tổ chức, cá nhân ở Việt Nam đăng ký tên miền quốc tế tại đơn vị mình.

4. Hướng dẫn tổ chức, cá nhân đăng ký sử dụng tên miền quốc tế thông báo với Bộ Thông tin và Truyền thông theo quy định tại Điều 21 Thông tư này.

5. Trước ngày 15 của tháng đầu tiên hàng quý, báo cáo danh sách cập nhật các tên miền quốc tế mà mình đang quản lý về VNNIC trên môi trường mạng theo hướng dẫn chi tiết được quy định tại địa chỉ www.thongbaotenmien.vn.

6. Cung cấp thông tin và phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để giải quyết, xử lý các vụ việc liên quan tới tên miền quốc tế.

Điều 25. Thủ tục đăng ký, sử dụng tên miền cấp cao dùng chung mới

1. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu đăng ký tên miền cấp cao dùng chung mới (New gTLD) với ICANN phải có hồ sơ đề nghị đăng ký tên miền cấp cao dùng chung mới gửi Bộ Thông tin và Truyền thông:

a) Đơn đề nghị với đầy đủ các thông tin sau: tên cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp; tên miền dự kiến đăng ký; mục đích sử dụng tên miền;

b) Kế hoạch cấp phát tên miền các cấp dưới tên miền cấp cao dùng chung mới;

c) Báo cáo năng lực kỹ thuật và quản lý hệ thống đăng ký tên miền cấp cao dùng chung mới;

d) Bản sao có chứng thực Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy Đăng ký kinh doanh của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp.

2. Trong vòng 30 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị đăng ký tên miền cấp cao dùng chung mới, Bộ Thông tin và Truyền thông có Thông báo chấp thuận hoặc từ chối việc đăng ký của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp. Trong trường hợp từ chối, thông báo nêu rõ lý do.

3. Chỉ sau khi nhận được Thông báo chấp thuận đăng ký tên miền cấp cao dùng chung mới của Bộ Thông tin và Truyền thông, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp mới được thực hiện thủ tục đăng ký tên miền với ICANN.

4. Trừ trường hợp đặc biệt được Bộ Thông tin và Truyền thông cho phép, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chỉ được cấp tên miền cấp dưới tên miền cấp cao dùng chung mới cho các đơn vị thành viên của mình.
5. Bộ Thông tin và Truyền thông không cấp phép thiết lập trang thông tin điện tử trên mạng cho các trường hợp sử dụng tên miền cấp cao dùng chung mới khi việc đăng ký tên miền vi phạm các quy định tại khoản 1, khoản 3 và khoản 4 Điều này.

Chương IV

QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG ĐỊA CHỈ IP VÀ SỐ HIỆU MẠNG

Điều 26. Quy định chung về việc phân bổ và sử dụng địa chỉ IP

1. Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có nhu cầu thiết lập mạng kết nối với Internet được quyền đề nghị phân bổ địa chỉ IP để sử dụng nội bộ hoặc cấp lại cho khách hàng có kết nối đến mạng cung cấp dịch vụ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp. Khuyến khích việc đăng ký sử dụng địa chỉ IPv6.
2. Địa chỉ IP được phân bổ, cấp cho nhu cầu sử dụng thực tế và có giá trị sử dụng trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam. Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tham gia hoạt động Internet phải đảm bảo:
 - a) Thực hiện việc định tuyến các vùng địa chỉ IP ở Việt Nam theo hướng dẫn của VNNIC;
 - b) Không được định tuyến những vùng địa chỉ IP nằm ngoài danh mục quản lý của VNNIC trừ trường hợp kết nối với công quốc tế;
 - c) Phối hợp với VNNIC về kỹ thuật và chính sách định tuyến để đảm bảo hệ thống DNS quốc gia và trạm trung chuyển Internet quốc gia (VNIX), Internet Việt Nam hoạt động an toàn, hiệu quả;
 - d) Có kế hoạch đưa địa chỉ IPv6 đi vào hoạt động phù hợp kế hoạch hành động quốc gia về IPv6.
3. Quản lý, phân bổ, cấp địa chỉ IP sử dụng trên mạng Internet Việt Nam phải phù hợp với chính sách của các tổ chức quốc tế có thẩm quyền quy hoạch, phân bổ địa chỉ cho Việt Nam. Quá thời hạn 6 tháng kể từ ngày phân bổ, cấp mà địa chỉ không được sử dụng trên mạng sẽ bị thu hồi, nếu không có lý do chính đáng.
4. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp không còn nhu cầu sử dụng địa chỉ IP phải có văn bản hoàn trả gửi VNNIC. Các vùng địa chỉ hoàn trả sẽ được phân bổ, cấp lại cho những cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp khác có nhu cầu.
5. Địa chỉ IP và số hiệu mạng không được phép chuyển nhượng, khi không còn nhu cầu sử dụng phải hoàn trả cho Bộ Thông tin và Truyền thông (Trung tâm Internet Việt Nam).
6. Trong giai đoạn cạn kiệt IPv4:
 - a) Việc cấp mới IPv4 áp dụng theo chính sách cấp phát hạn chế quy định bởi tổ chức quản lý địa chỉ khu vực Châu Á – Thái Bình Dương (APNIC);
 - b) Việc nhận địa chỉ IP trực tiếp từ các tổ chức quốc tế phải tuân thủ theo quy định của các tổ chức quản lý tài nguyên địa chỉ quốc tế và quy định tại Điều 31 Thông tư này. Vùng địa chỉ IP quốc tế sau khi hoàn tất các thủ tục tiếp nhận vào Việt Nam theo quy định sẽ được coi là tài nguyên viễn thông và chịu sự điều chỉnh của các văn bản quy phạm pháp luật về viễn thông;

c) Việc phân bổ, cấp lại các vùng địa chỉ IPv4 sau thu hồi hoặc hoàn trả của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tuân thủ theo các quy định và quy trình thủ tục tại Điều 28 Thông tư này.

Điều 27. Thủ tục phân bổ, cấp địa chỉ IP

1. Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị phân bổ, cấp địa chỉ IP độc lập nộp hồ sơ về VNNIC.

2. Hồ sơ đề nghị phân bổ, cấp địa chỉ IP bao gồm:

- a) “Bản khai đăng ký địa chỉ IP” theo biểu mẫu do VNNIC quy định và công bố tại địa chỉ www.diachiip.vn;
- b) Quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản sao có chứng thực);
- c) Giấy phép cung cấp dịch vụ Internet (bản sao có chứng thực, nếu có).

3. Phương thức nộp hồ sơ:

- a) Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở VNNIC;
 - b) Gửi hồ sơ đến VNNIC qua đường Bưu điện;
 - c) Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ www.diachiip.vn trong trường hợp sử dụng chữ ký số.
4. Thời hạn cấp Quyết định phân bổ, cấp địa chỉ IP cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chậm nhất là 20 ngày làm việc kể từ khi nhận được đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp từ chối cấp, VNNIC thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 28. Phân bổ, cấp lại các vùng địa chỉ IPv4 sau hoàn trả hoặc thu hồi

1. Việc phân bổ, cấp lại các vùng địa chỉ IPv4 tại Việt Nam sau hoàn trả hoặc thu hồi không bị điều chỉnh theo các quy định tại điểm a khoản 6 Điều 26 Thông tư này.

2. Các vùng địa chỉ IPv4 còn trống do thu hồi hoặc hoàn trả từ các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tại Việt Nam được phân bổ, cấp lại cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp thực sự có nhu cầu sử dụng theo các nguyên tắc sau:

- a) Đến trước, xét duyệt xử lý hồ sơ trước;
- b) Chưa có địa chỉ IPv4 để sử dụng hoặc đã có địa chỉ nhưng giải trình được đã sử dụng hết ít nhất 80% các vùng địa chỉ IPv4 được phân bổ, cấp trước đó đối với các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đã được phân bổ, cấp địa chỉ;
- c) Thuyết minh mức độ cần thiết và khả năng sử dụng ngay vùng địa chỉ đề nghị phân bổ, cấp;
- d) Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị phân bổ, cấp địa chỉ hoàn tất nghĩa vụ nộp phí, lệ phí sử dụng địa chỉ IP tại Việt Nam theo quy định của Bộ Tài chính.

3. Quy trình phân bổ, cấp lại:

- a) Khi có vùng địa chỉ IPv4 thu hồi hoặc được hoàn trả từ các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, VNNIC niêm yết thông tin về vùng địa chỉ và thời điểm mở tiếp nhận hồ sơ đề nghị phân bổ, cấp lại vùng địa chỉ tại địa chỉ website www.diachiip.vn;
- b) Việc tiếp nhận và xử lý hồ sơ đề nghị phân bổ, cấp địa chỉ tuân thủ theo các nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều này;

c) VNNIC ban hành quyết định phân bổ, cấp lại địa chỉ và thông báo tại địa chỉ website: www.diachiip.vn về kết quả cuối cùng của đợt phân bổ, cấp lại.

Điều 29. Cấp và sử dụng số hiệu mạng

1. Theo nhu cầu sử dụng thực tế của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp. Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đã được phân bổ, cấp địa chỉ IP từ VNNIC được quyền đề nghị cấp số hiệu mạng.
2. Sử dụng số hiệu mạng vào vùng địa chỉ IP của Việt Nam với chính sách định tuyến độc lập, kết nối với những nhà cung cấp dịch vụ có chính sách định tuyến khác nhau.
3. Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được cấp số hiệu mạng chỉ được sử dụng số hiệu mạng đó trong phạm vi mạng của mình.
4. Quá thời hạn 6 tháng kể từ ngày cấp, số hiệu mạng không được đưa vào sử dụng trên mạng Internet sẽ bị thu hồi, nếu không có lý do chính đáng.
5. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp không còn nhu cầu sử dụng số hiệu mạng phải có văn bản hoàn trả gửi VNNIC. Các số hiệu mạng hoàn trả sẽ được cấp lại cho những cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp khác có nhu cầu.
6. Việc nhận số hiệu mạng trực tiếp từ các tổ chức quốc tế phải tuân thủ theo quy định của các tổ chức quản lý tài nguyên địa chỉ quốc tế và quy định tại Điều 31 Thông tư này. Số hiệu mạng sau khi hoàn tất các thủ tục tiếp nhận vào Việt Nam theo quy định sẽ được coi là tài nguyên viễn thông và chịu sự điều chỉnh của các văn bản quy phạm pháp luật về viễn thông.

Điều 30. Thủ tục cấp số hiệu mạng

1. Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đề nghị cấp số hiệu mạng nộp Bản khai đăng ký số hiệu mạng về VNNIC. Mẫu Bản khai đăng ký số hiệu mạng do VNNIC quy định và công bố tại địa chỉ www.diachiip.vn.
2. Phương thức nộp hồ sơ đề nghị cấp số hiệu mạng:
 - a) Nộp hồ sơ trực tiếp tại trụ sở VNNIC;
 - b) Gửi hồ sơ đến VNNIC qua đường Bưu điện;
 - c) Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ www.diachiip.vn trong trường hợp sử dụng chữ ký số.
3. Thời hạn trả lời kết quả hoặc cấp "Quyết định cấp số hiệu mạng" cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chậm nhất là năm (05) ngày làm việc kể từ khi nhận được đủ hồ sơ theo quy định. Trong trường hợp từ chối cấp, VNNIC sẽ có thông báo qua đường thư điện tử đến cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và nêu rõ lý do.

Điều 31. Nhận địa chỉ IP hoặc số hiệu mạng trực tiếp từ các tổ chức quốc tế

Các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp ở Việt Nam khi có nhu cầu nhận địa chỉ IP hoặc số hiệu mạng trực tiếp từ các tổ chức quốc tế phải thực hiện:

1. Báo cáo tiếp nhận vùng địa chỉ IP hoặc số hiệu mạng theo mẫu ban hành tại Phụ lục 3 Thông tư này để đưa vùng địa chỉ hoặc số hiệu mạng vào danh mục quản lý tập trung của VNNIC;
2. Nộp phí duy trì sử dụng địa chỉ IP hoặc số hiệu mạng tại Việt Nam theo đúng quy định của Bộ Tài chính và trả các khoản phí phát sinh trong quá trình tiếp nhận địa chỉ hoặc số hiệu mạng theo quy định của các tổ chức quản lý địa chỉ quốc tế.

Điều 32. Thu hồi địa chỉ IP, số hiệu mạng

Địa chỉ IP, số hiệu mạng bị thu hồi trong các trường hợp sau:

1. Theo văn bản yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông đối với các trường hợp thu hồi địa chỉ IP, số hiệu mạng quy định tại điểm a, điểm b, khoản 2 Điều 50 Luật Viễn thông.
2. Theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính có biện pháp khắc phục là “thu hồi địa chỉ IP, số hiệu mạng”, hoặc áp dụng hình thức phạt bổ sung “tịch thu phương tiện vi phạm” của thanh tra chuyên ngành thông tin và truyền thông khi việc sử dụng địa chỉ IP, số hiệu mạng vi phạm các quy định về quản lý cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.
3. Theo yêu cầu bằng văn bản của các cơ quan công an về an ninh thông tin, tội phạm công nghệ cao khi việc sử dụng địa chỉ IP, số hiệu mạng xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội theo quy định của pháp luật về an ninh quốc gia;
4. Địa chỉ IP, số hiệu mạng vi phạm quy định nêu tại khoản 3 Điều 26 và khoản 4 Điều 29 Thông tư này;
5. Sau 30 ngày kể từ thời điểm vùng địa chỉ IP, số hiệu mạng hết thời hạn sử dụng mà cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp không nộp phí duy trì theo quy định.
6. Đối với các trường hợp thu hồi địa chỉ IP, số hiệu mạng quy định từ khoản 1 đến khoản 5 Điều này, VNNIC ban hành quyết định thu hồi địa chỉ IP, số hiệu mạng; thông báo cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp có liên quan. Trường hợp địa chỉ IP phải thu hồi thuộc vùng địa chỉ do doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet đã cấp cho khách hàng, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet có trách nhiệm thực hiện việc thu hồi vùng địa chỉ đã cấp cho khách hàng theo quyết định thu hồi địa chỉ IP của VNNIC.

Điều 33. Quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được phân bổ, cấp địa chỉ IP và số hiệu mạng

1. Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được cấp quyền sử dụng các vùng địa chỉ IP trong danh mục quản lý của VNNIC được công nhận là thành viên địa chỉ của VNNIC.
2. Thành viên địa chỉ tự xây dựng chính sách định tuyến cho các vùng địa chỉ IP được cấp phù hợp với tình hình mạng lưới của mình và không được cản trở việc quảng bá định tuyến hợp lệ của các vùng địa chỉ IP nằm trong danh mục quản lý của VNNIC.
3. Thành viên địa chỉ có trách nhiệm khai báo, cập nhật đầy đủ thông tin sử dụng các vùng địa chỉ IP và số hiệu mạng đã được cấp định kỳ hoặc khi có yêu cầu từ VNNIC.
4. Thành viên địa chỉ có trách nhiệm xác minh và xử lý ngay các địa chỉ IP thuộc phạm vi quản lý của mình có liên quan đến các hành vi vi phạm pháp luật khi nhận được thông báo của VNNIC hoặc của các tổ chức, cá nhân khác.
5. Chỉ các thành viên địa chỉ có giấy phép cung cấp dịch vụ Internet mới được cấp phát lại địa chỉ IP cho khách hàng hoặc tổ chức khác.

Điều 34. Trách nhiệm của VNNIC trong quản lý địa chỉ IP và số hiệu mạng

1. Quản lý, giám sát đảm bảo hoạt động đăng ký, duy trì, sử dụng địa chỉ IP và số hiệu mạng hiệu quả, an toàn, đúng quy định.
2. Bảo đảm an toàn, bí mật thông tin các thành viên địa chỉ theo quy định.

- Hướng dẫn đầy đủ kịp thời các thành viên địa chỉ trong việc đăng ký và quản lý sử dụng địa chỉ IP, số hiệu mạng tại Việt Nam.
- Quản lý, khai báo tên miền ngược cho toàn bộ các vùng địa chỉ IP thuộc danh mục quản lý của mình theo đúng quy định của APNIC.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 35. Hiệu lực thi hành

Thông tư có hiệu lực kể từ ngày 20/01/2015.

Điều 36. Điều khoản thi hành

- Thông tư số 09/2008/TT-BTTTT ngày 24 tháng 12 năm 2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet, Thông tư số 10/2008/TT-BTTTT ngày 24 tháng 12 năm 2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về giải quyết tranh chấp tên miền quốc gia Việt Nam “.vn” hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.
- Bãi bỏ Điều 1 Thông tư số 09/2011/TT-BTTTT ngày 08 tháng 4 năm 2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 09/2008/TT-BTTTT ngày 24 tháng 12 năm 2008 và Thông tư số 12/2008/TT-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2008.
- Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Thông tin và Truyền thông để xem xét, bổ sung, sửa đổi./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Tòa án Nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở TTTT các tỉnh thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công TTTT Chính phủ, Công báo;
- Bộ TTTT: Bộ trưởng và các Thứ trưởng; các cơ quan đơn vị thuộc Bộ; Công TTTT Bộ;
- Lưu: VT, VNNIC.

Nguyễn Bắc Sơn

Phụ lục 1: Bản khai đăng ký tên miền dưới “.gov.vn”

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2014/TT-BTTTT ngày 05 tháng 12 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BẢN KHAI ĐĂNG KÝ TÊN MIỀN DƯỚI “.GOV.VN”

Kính gửi: Trung tâm Internet Việt Nam

Nơi tiếp nhận: (Tên, địa chỉ liên hệ của Nhà đăng ký tiếp nhận yêu cầu đăng ký tên miền dưới “.gov.vn”)

| | |
|--|---|
| 1. Tên miền đăng ký | |
| 2. Nộp hồ sơ đăng ký tại NDK tên miền .VN | |
| 3. Máy chủ DNS chuyên giao <i>(Lưu ý: Mục này bắt buộc phải đã có khai báo đầy đủ tối thiểu 01 máy chủ Primary và 01 máy chủ Secondary trước khi nộp hồ sơ đăng ký).</i> | Tên DNS Primary: Địa chỉ IP: Tên DNS Secondary : Địa chỉ IP: Tên DNS Secondary : Địa chỉ IP: |
| 4. Chủ thể đăng ký tên miền: Tên chủ thể Tên giao dịch Quốc tế Tên viết tắt Địa chỉ liên hệ Số điện thoại Fax Hộp thư điện tử | |
| 5. Người quản lý tên miền <i>(Người đại diện theo pháp luật, cấp trưởng hoặc người được cấp trưởng ủy quyền thuộc cơ quan, tổ chức đăng ký tên miền):</i> Họ và tên Chức vụ Số CMTND Địa chỉ liên hệ | |

| | |
|---|-------|
| Số điện thoại | |
| Fax | |
| Hộp thư điện tử | |
| 6. Người quản lý kỹ thuật | |
| Họ và tên | |
| Chức vụ | |
| Địa chỉ liên hệ | |
| Số điện thoại | |
| Fax | |
| Hộp thư điện tử | |
| 7. Người đại diện của tổ chức làm thủ tục đăng ký tên miền | |
| Họ và tên | |
| Chức vụ | |
| Số CMTND | |
| Địa chỉ liên hệ | |
| Số điện thoại | |
| Fax | |
| Hộp thư điện tử | |
| 8. Thông tin nộp phí, lệ phí | |
| Tên tổ chức nộp phí, lệ phí | |
| Họ và tên người nộp phí, lệ phí | |
| Địa chỉ liên hệ | |
| Số điện thoại | |
| Fax | |
| Hộp thư điện tử | |

Tổ chức đăng ký tên miền dưới “.gov.vn” cam kết:

1. Tuân thủ Quy định về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Sử dụng tên miền đúng mục đích; ý nghĩa tên miền đăng ký; nội dung thông tin, dịch vụ cung cấp trên Website với tên miền dưới “.gov.vn” phù hợp với chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của đơn vị mình.

3. Chủ động nộp phí duy trì tên miền trước khi tên miền hết thời hạn sử dụng; tự chịu trách nhiệm khi tên miền bị thu hồi do hết hạn sử dụng mà không đóng phí.

4. Thực hiện cập nhật thông tin theo quy định mỗi khi có thay đổi thông tin về địa chỉ liên lạc, địa chỉ email, số điện thoại, số fax... Tự chịu trách nhiệm khi không nhận được các thông báo từ Nhà đăng ký do không cập nhật kịp thời thông tin liên hệ.

, ngày tháng năm

Xác nhận của chủ thể đăng ký tên miền

(Người đại diện theo pháp luật, cấp trưởng hoặc người được cấp trưởng ủy quyền thuộc cơ quan, tổ chức đăng ký tên miền ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 2: Bản khai đăng ký hoạt động Nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2014//TT-BTTTT ngày 05 tháng 12 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông)

Tên tổ chức đăng ký hoạt động
Nhà đăng ký tên miền quốc tế

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

**BẢN KHAI ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG
NHÀ ĐĂNG KÝ TÊN MIỀN QUỐC TẾ TẠI VIỆT NAM**

Kính gửi : Trung tâm Internet Việt Nam

1. Thông tin về tổ chức đăng ký

- Tên tổ chức:
- Tên giao dịch quốc tế:
- Tên viết tắt:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:
- Fax:
- Hộp thư điện tử:
- Website:.....

2. Đầu mối liên hệ

- Họ và tên người đứng đầu, chịu trách nhiệm của tổ chức đăng ký:

.....

- Chức vụ:

- Địa chỉ liên hệ:

- Điện thoại:

- Fax:

- Hộp thư điện tử:.....

3. Thông tin về đối tác mà tổ chức ký hợp đồng để cung cấp dịch vụ đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam (đánh dấu vào ô tương ứng):

- Là Tổ chức quản lý tên miền quốc tế ICANN.

- Là Nhà đăng ký tên miền chính thức (accredited registrar) của ICANN.

- Tên đối tác:

- Tên viết tắt:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại/ Fax:

- Hộp thư điện tử.....

- Website:.....

Tổ chức đăng ký hoạt động nhà đăng ký tên miền quốc tế tại Việt Nam cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet và quản lý thông tin điện tử trên Internet.

Xác nhận của tổ chức đăng ký

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 3: Báo cáo tiếp nhận vùng địa chỉ IP hoặc số hiệu mạng từ tổ chức quốc tế.

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2014/TT-BTTTT ngày 05 tháng 12 năm 2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TIẾP NHẬN VÙNG ĐỊA CHỈ IP HOẶC SỐ HIỆU MẠNG TỪ TỔ CHỨC QUỐC TẾ

(Dành cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chưa là thành viên địa chỉ của Trung tâm Internet Việt Nam)

Kính gửi: Trung tâm Internet Việt Nam

| | |
|---|---|
| <p>1. Thông tin đăng ký thành viên</p> | <p>Tên tổ chức: Tên mạng thành viên (netname) tổ chức dự định đăng ký: (netname phải đảm bảo duy nhất, không trùng với netname của các thành viên khác đã có – tham khảo http://www.vnnic.vn/diachiiip/danh sach thanh vien) Địa chỉ liên hệ: Số điện thoại / fax: Email: Website: Ghi chú:</p> |
| <p>1. Đăng ký thông tin về người chịu trách nhiệm chính của tổ chức trong việc quản lý các nguồn tài nguyên Internet được cấp (địa chỉ email của người đã đăng ký trong mục này sẽ được đưa vào danh sách cho phép thực hiện các giao dịch qua email với VNNIC liên quan tới tài nguyên địa chỉ IP, số hiệu mạng)</p> | <p>Người lãnh đạo cao nhất của tổ chức: Họ tên: Địa chỉ liên hệ: Số điện thoại/fax: Email: Người chịu trách nhiệm quản lý tài nguyên: Họ tên: Chức vụ: Địa chỉ liên hệ: Số điện thoại/fax: Email: Người quản lý kỹ thuật: Họ tên: Chức vụ: Địa chỉ liên hệ: Số điện thoại/fax: Email:</p> |
| <p>3. Thông tin về vùng địa chỉ IP hoặc số hiệu mạng có nhu cầu tiếp nhận</p> | <p>Vùng địa chỉ hoặc số hiệu mạng:..... Thuộc tổ chức quản lý vùng:</p> |
| <p>4. Thông tin về tổ chức đang quản lý vùng địa chỉ hoặc số hiệu mạng</p> | <p>Tên tổ chức: Địa chỉ liên hệ: Số điện thoại / fax:</p> |

| | |
|---|---|
| | Email: Website: |
| 5. Thông tin về người liên hệ của tổ chức đang quản lý vùng địa chỉ hoặc số hiệu mạng | Họ tên: Địa chỉ liên hệ: Số điện thoại/fax: Email: |
| 6. Kế hoạch sử dụng vùng địa chỉ hoặc số hiệu mạng hiện có nhu cầu tiếp nhận | (Tổ chức mô tả chi tiết kế hoạch sử dụng vùng địa chỉ IP hoặc số hiệu mạng có nhu cầu tiếp nhận tại đây) |
| 7. Các tài liệu nộp kèm | <input type="checkbox"/> Sơ đồ cấu hình mạng <input type="checkbox"/> Tài liệu khác (nếu rõ):..... |
| 8. Thông tin liên hệ về việc nộp phí duy trì sử dụng địa chỉ hoặc số hiệu mạng | Đơn vị thanh toán: Họ và tên/Chức vụ người chịu trách nhiệm nộp phí: Địa chỉ thanh toán: Điện thoại/Fax: Email: |

Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đăng ký tiếp nhận địa chỉ IP/số hiệu mạng cam kết:

1. Các thông tin đã cung cấp là hoàn toàn chính xác. Trong trường hợp có sự thay đổi thông tin, chúng tôi sẽ thông báo với VNNIC để kịp thời cập nhật cơ sở dữ liệu quản lý.
2. Đưa vùng địa chỉ (số hiệu mạng) vào danh mục quản lý thống nhất tại Trung tâm Internet Việt Nam – Bộ Thông tin và Truyền thông;
3. Tuân thủ theo đúng các quy định hiện hành trong việc sử dụng vùng địa chỉ (số hiệu mạng) sau khi tiếp nhận.

Ngày tháng năm

XÁC NHẬN CỦA TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TIẾP NHẬN VÙNG ĐỊA CHỈ IP HOẶC SỐ HIỆU MẠNG TỪ TỔ CHỨC QUỐC TẾ

(Dành cho thành viên địa chỉ của Trung tâm Internet Việt Nam)

Kính gửi: Trung tâm Internet Việt Nam

| | |
|---|--|
| <p>1. Thông tin về thành viên</p> | <p>Tên thành viên:</p> <p>Tên tài khoản thành viên đã được cấp:.....</p> |
| <p>2. Thông tin về người chịu trách nhiệm chính của thành viên trong việc quản lý các nguồn tài nguyên Internet sẽ tiếp nhận</p> <p>(địa chỉ email của người đã đăng ký trong mục này sẽ được đưa vào danh sách cho phép thực hiện các giao dịch qua email với VNNIC liên quan tới tài nguyên địa chỉ IP, số hiệu mạng)</p> | <p>Người lãnh đạo cao nhất của thành viên:</p> <p>Họ tên:.....</p> <p>Địa chỉ liên hệ:.....</p> <p>Số điện thoại/fax:.....</p> <p>Email:.....</p> <p>Người chịu trách nhiệm quản lý tài nguyên:.....</p> <p>Họ tên:.....</p> <p>Chức vụ:.....</p> <p>Địa chỉ liên hệ:.....</p> <p>Số điện thoại/fax:.....</p> <p>Email:.....</p> <p>Người quản lý kỹ thuật:.....</p> <p>Họ tên:.....</p> <p>Chức vụ:.....</p> <p>Địa chỉ liên hệ:.....</p> <p>Số điện thoại/fax:.....</p> <p>Email:.....</p> |
| <p>3. Các vùng địa chỉ IP hoặc số hiệu mạng thành viên đã được cấp và đang sử dụng</p> | <p>.....</p> <p>.....</p> |
| <p>4. Thông tin về vùng địa chỉ IP hoặc số hiệu mạng có nhu cầu tiếp nhận</p> | <p>Vùng địa chỉ hoặc số hiệu mạng:.....</p> <p>Thuộc tổ chức quản lý vùng:</p> |
| <p>5. Thông tin về tổ chức đang quản lý vùng địa chỉ hoặc số hiệu mạng</p> | <p>Tên tổ chức:</p> <p>Địa chỉ liên hệ:.....</p> <p>Số điện thoại / fax:.....</p> <p>Email:.....</p> <p>Website:.....</p> |
| <p>6. Thông tin về người liên hệ của tổ chức đang quản lý vùng địa chỉ hoặc số hiệu mạng</p> | <p>Họ tên:.....</p> <p>Địa chỉ liên hệ:.....</p> <p>Số điện thoại/fax:.....</p> |

| | |
|---|---|
| | Email:..... |
| 7. Kế hoạch sử dụng vùng địa chỉ hoặc số hiệu mạng hiện có nhu cầu tiếp nhận | (Tổ chức mô tả chi tiết kế hoạch sử dụng vùng địa chỉ IPv4 có nhu cầu tiếp nhận tại đây) |
| 8. Các tài liệu nộp kèm | <input type="checkbox"/> Sơ đồ cấu hình mạng <input type="checkbox"/> Tổng hợp thông tin sử dụng các vùng địa chỉ IPv4 đã được cấp <input type="checkbox"/> Tài liệu khác (nêu rõ): |
| 9. Thông tin liên hệ về việc nộp phí duy trì sử dụng địa chỉ hoặc số hiệu mạng của thành viên | Đơn vị thanh toán:..... Họ và tên/Chức vụ người chịu trách nhiệm nộp phí:..... Địa chỉ thanh toán:..... Điện thoại/Fax:..... Email:..... |

Thành viên tiếp nhận địa chỉ IP (số hiệu mạng) cam kết:

1. Các thông tin đã cung cấp là hoàn toàn chính xác. Trong trường hợp có sự thay đổi thông tin, chúng tôi sẽ thông báo với VNNIC để kịp thời cập nhật cơ sở dữ liệu quản lý.
2. Đưa vùng địa chỉ (số hiệu mạng) vào danh mục quản lý thống nhất tại Trung tâm Internet Việt Nam – Bộ Thông tin và Truyền thông.
3. Tuân thủ theo đúng các quy định hiện hành trong việc sử dụng vùng địa chỉ (số hiệu mạng) sau khi tiếp nhận.

Ngày tháng năm

XÁC NHẬN CỦA THÀNH VIÊN

(Ký tên, đóng dấu)